

XLOCK



Đá mài/kim loại

Kích thước (mm)	Hạt	Cái/hộp	Mã số
100 x 6 x 22.23	A36P	1	E-00480(EN)
125 x 6 x 22.23	A36P	1	E-00393(EN)

Đá mài/inox

100 x 6 x 22.23	WA36N	1	E-00496(EN)
125 x 6 x 22.23	WA36N	1	E-00402(EN)

Đá cắt mỏng (phẳng)

100 x 1.2 x 22.23	A60T	1	E-00505(EN)
125 x 1.2 x 22.23	A60T	1	E-00418(EN)

Đá mài/ thép



★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 6 x 16	1	A24R	A-87719
100 x 6 x 16	1	A36P	A-80911
115 x 6 x 22.23	1	A36P	741458-1 (Số lượng có hạn)
125 x 6 x 22.23	1	A36P	A-80933
150 x 6 x 22.23	1	A36P	A-84981
180 x 6 x 22.23	1	A24P	741425-6
180 x 6 x 22.23	1	A36P	741426-4
180 x 6 x 22.23	1	A36P	A-80949
230 x 6 x 22.23	1	A24P	741421-4
230 x 6 x 22.23	1	A36P	741422-2

★★

100 x 6 x 16	1	A24R	D-18443
100 x 6 x 16	1	A24P-BF	D-65090
125 x 6 x 22.23	1	A24R	D-18465
150 x 6 x 22.23	1	A24R	D-26163
180 x 6 x 22.23	1	A24R	D-18471
180 x 6 x 22.23	1	A24P	D-65931(EN)
180 x 6 x 22.23	1	A24P-BF	D-41545 (Số lượng có hạn)
230 x 6 x 22.23	1	A24R	D-18487

★

100 x 6 x 16	1	A-A24R	D-41523
--------------	---	--------	---------

Đá mài/ inox



★★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
125 x 7 x 22.23	1	A24P	B-66927(EN)

★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 6 x 16	1	WA36N	A-80852
125 x 6 x 22.23	1	WA36N	A-80874 (Số lượng có hạn)
125 x 6 x 22.23	1	WA36O	A-80656
180 x 6 x 22.23	1	WA36O	A-80880(EN)



★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 6 x 16	1	C24R	D-18493
115 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18502 (Số lượng có hạn)
125 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18518(EN)
150 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18524
180 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18530(EN)
230 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18546(EN)

Đá mài cho công nghiệp nặng



Vật liệu: kim loại/ inox

★★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
125 x 7.2 x 22.23	1	A24S	B-56384
125 x 7.2 x 22.23	1	AZ24N	B-56390



Vật liệu: inox

★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 6 x 16	1	A24R	B-21107
125 x 6 x 22.23	1	A24R	B-21129
180 x 6 x 22.23	1	A24R	B-21135
230 x 6 x 22.23	1	A24R	B-21141

Đá mài mềm



Luôn sử dụng tấm đỡ

Vật liệu: thép



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 2 x 16	5	60	794229-5
100 x 2 x 16	1	AC46	B-18203
100 x 2 x 16	1	AC60	A-85139
100 x 2 x 16	1	AC80	B-18219
100 x 2 x 16	1	AC120	B-18225
100 x 3 x 16	1	AC36	B-18231
100 x 3 x 16	1	AC46	B-18247
100 x 3 x 16	1	AC60	B-18253
100 x 3 x 16	1	AC80	B-18269
125 x 3 x 22.23	1	AC46	B-18328
125 x 3 x 22.23	1	AC80	B-18340
180 x 3 x 22.23	1	AC60	A-88490



Luôn sử dụng tấm đỡ

Vật liệu inox và thép



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 2 x 16	1	WA46	B-18421
100 x 2 x 16	1	WA60	B-18437
100 x 2 x 16	1	WA80	B-18443
100 x 2 x 16	1	WA120	B-18459
100 x 3 x 16	1	WA36	B-18465
100 x 3 x 16	1	WA46	B-18471
100 x 3 x 16	1	WA60	B-18487
100 x 3 x 16	1	WA80	B-18493
125 x 3 x 22.23	1	WA46	B-18552
125 x 3 x 22.23	1	WA80	B-18574



Luôn sử dụng tấm đỡ



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 3 x 16	1	GC60P	B-51356
100 x 3 x 16	1	GC80P	B-51362
100 x 3 x 16	1	GC120P	B-51378

Tấm đỡ



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Mã số
Cho 100mm	1	B-20476
Cho 115/125mm	1	B-20482

Đá cắt mỏng

A: Phẳng

B: Tầm trúng

Vật liệu inox



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 1.0 x 16	1	A60T	A	B-12201
115 x 1.0 x 22.23	1	A60T	A	B-12217
125 x 1.0 x 22.23	1	A60T	A	B-12239
150 x 1.6 x 22.23	1	A60T	A	B-12251
180 x 1.6 x 22.23	1	A60T	A	B-12267
230 x 1.9 x 22.23	1	A60T	A	B-12273



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 1.0 x 16	1	WA60T	A	D-18758
100 x 1.0 x 16	1	WA46R-BF	A	D-65947
100 x 1.0 x 16	12 (Can)	WA46R-BF	A	D-65947-12
100 x 1.2 x 16	1	WA60T	B	D-18801
125 x 1.2 x 22.23	1	WA60T	A	D-18770
125 x 1.2 x 22.23	1	WA46R-BF	A	D-65969
125 x 1.6 x 22.23	1	WA46S	B	D-18823
150 x 2x 22.23	1	WA36R	A	D-29424
180 x 2 x 22.23	1	WA36R	A	D-18786
180 x 2 x 22.23	1	WA36R	B	D-18839
180 x 2 x 22.23	1	WA36R	A	D-65975
230 x 2 x 22.23	1	WA36R	A	D-18792
230 x 2 x 22.23	1	WA36R	B	D-18845(EN)



105 x 1.0 x 16	1	WA46R	A	D-60997 (Số lượng cố định)
----------------	---	-------	---	-------------------------------

Đá cắt mỏng lý tưởng cho máy mài góc dùng pin



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 0.8 x 16	1	Z60T	A	B-45711

Đá cắt

A: Phẳng

B: Tâm trũng



Vật liệu: thép

★★★★



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 2.0 x 16	1	A46	A	A-85123
125 x 2.5 x 22.23	1	A30R	A	A-85313
150 x 3 x 22.23	1	A30T	B	B-05050
180 x 2.5 x 22.23	1	A30R	A	A-85329
180 x 3 x 22.23	1	A30T	B	A-83618(EN)

★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 2.5 x 16	1	A30S	A	D-18655
100 x 3 x 16	1	A30S	B	D-18552
125 x 2.5 x 22.23	1	A30S	A	D-18677
125 x 3 x 22.23	1	A30S	B	D-18574
150 x 2.5 x 22.23	1	A30S	A	D-29402
150 x 3 x 22.23	1	A30S	B	D-29418(EN)
180 x 2.5 x 22.23	1	A30S	A	D-18683
180 x 3 x 22.23	1	A30S	B	D-18580
230 x 2.5 x 22.23	1	A30S	A	D-18699
230 x 3 x 22.23	1	A30S	B	D-18596



Vật liệu: gạch

★★★★



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
180 x 3 x 22.23	1	C30T	B	A-85276(EN)
230 x 3 x 22.23	1	C30T	B	A-85282(EN)

★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 3 x 16	1	C30S	A	D-18708
100 x 3 x 16	1	C30S	B	D-18605
125 x 3 x 22.23	1	C30S	A	D-18720
125 x 3 x 22.23	1	C30S		D-18627(EN)
180 x 3 x 22.23	1	C30S	B	D-18633
180 x 3 x 22.23	1	C30S	A	D-18736(EN)
230 x 3 x 22.23	1	C30S	A	D-18742(EN)
230 x 3 x 22.23	1	C30S	B	D-18649(EN)

Đá mài 2 trong 1

Cần phải có nắp chụp bảo vệ thích hợp



Vật liệu: thép

★★★★



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100x3.2x16	1	A36T	B-21222

Đá mài 2 trong 1

Dùng để cắt và mài

1. Tốc độ cắt tăng 10% so với đá mài 2 trong 1 hiện tại*.

2. Số lượng cắt trong 1 lần sạc tăng 80% so với đá mài 2 trong 1 hiện tại*.



★★★★★

Vật liệu: thép & inox



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100x2.2x16	1	SA46P	B-51649

Đá cắt cho máy cắt sắt

Vật liệu: thép



Kích thước (mm)	Hạt	Số lượng G.F	Cái/hộp	Mã số
-----------------	-----	--------------	---------	-------

★★★★★

355x2.5x25.4	A36P	2.0G	5	B-49448-5
--------------	------	------	---	-----------

★★★★

305x2.8x25.4	A36P	1.0G	5	A-01345
--------------	------	------	---	---------

305x2.8x25.4	A36P	1.0G	25	A-05038
--------------	------	------	----	---------

305x3x25.4	A36P	1.0G	25	A-87650-25
------------	------	------	----	------------

355x2.4x25.4	A30Q	1.0G	25	B-20769-25
--------------	------	------	----	------------

355x3x25.4	A30P	1.0G	5	B-64353-5
------------	------	------	---	-----------

355x3x25.4	A36P	1.0G	5	A-01351
------------	------	------	---	---------

355x3x25.4	A36P	1.0G	25	A-05044
------------	------	------	----	---------

355x3x25.4	A36P	1.0G	5	A-89545-5
------------	------	------	---	-----------

355x3x25.4	A36P	1.0G	5	B-10730-5
------------	------	------	---	-----------

355x3x25.4	A30R	2.0G	25	B-20753-25
------------	------	------	----	------------

355x3x25.4	A36P	1.0G	25	B-10730-25
------------	------	------	----	------------

405x3x25.4	A36P	1.0G	25	A-05050
------------	------	------	----	---------

405x3x25.4	A36P	1.0G	25	A-87694-25
------------	------	------	----	------------

★★

355x3x25.4	A36P	-	5	D-62088-5
------------	------	---	---	-----------



★★★★



355x2.8x25.4	A30P	2.0G	5	B-64565-5
--------------	------	------	---	-----------

Đá cắt cho máy cắt sắt dùng pin



Kích thước (mm)	Hạt	Số lượng G.F	Cái/hộp	Mã số
355x2.5x25.4	A36P	1.0G	5	B-64696-5

Đá cắt bê tông cho máy cắt góc #4112HS

Cắt các vật liệu xây dựng, bê tông, đá
A: được tăng cường với 3 lớp sợi thủy tinh
B: được tăng cường với 2 lớp sợi thủy tinh



Ứng dụng	Kích thước (mm)	Cái/hộp	Loại	Mã số
Thép	305x3.2x25.4	5	A	792301-7
Gạch	305x3.5x25.4	25	B	A-89735

Đá mài cho máy mài 2 đá



Kích thước (mm)	Hạt	Mã số
150 x 16 x 12.7	A36M	B-51904
150 x 16 x 12.7	A60M	B-51910
150 x 16 x 12.7	GC120	B-51932
150 x 6.4 x 12.7	A60M	A-47195
205 x 19 x 15.88	A36	B-51948
205 x 19 x 15.88	WA60K	B-51960(EN)
205 x 19 x 15.88	GC120	B-51976

Đá mài cho máy mài thẳng



Kích thước (mm)	Hạt	Mã số
125 x 19 x 12.7	24P	741015-5
125 x 19 x 12.7	36P	741016-3

Đá mài khuôn

Ứng dụng:

A: Thép mềm, thép cac-bon....

WA: Thép cứng và thép đặc biệt



Mã số	Cái/hộp	Đường kính (mm)	Đường kính chuôi (mm)	Loại	Mã số
-------	---------	-----------------	-----------------------	------	-------

Dùng cho máy: 903, 906, GD0800C, GD0810C, GD0600, DGD800, DGD801

1	10	5	3	A	794050-2
1	10	6	3	A	794051-0 (Số lượng cố định)
1	10	8	3	A	794052-8
1	10	10	3	A	794053-6
2	10	5	3	WA	794054-4
2	10	6	3	WA	794055-2
2	10	10	3	WA	794057-8
3	10	10	3	A	794059-4

Dùng cho máy:

906, GD0800C, GD0810C, GD0600, BGD800, BGD801

1	1	19	6	WA	741614-3
1	1	19	1/4"	WA	741617-7
4	1	19	6	WA	741615-1
4	1	19	1/4"	WA	741616-9

Mũi dùi kim loại



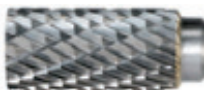
Cắt và ứng dụng

Cắt thô
<Đặc điểm> Hiệu quả cao
<Bề mặt> Thô
<Vật liệu> Kim loại, inox



Cắt mịn

<Đặc điểm> Ít rung
<Bề mặt> Mịn
<Vật liệu> Kim loại, inox



Cắt kim loại màu

<Đặc điểm> Hiệu quả cao
<Bề mặt> Thô
<Vật liệu> Kim loại màu, nhựa



Hình dạng và ứng dụng

Hình dạng : A



Hình dạng : C



Hình dạng : F



Hình dạng : L



Hình dạng : M



Làm sạch gờ trên inox



Làm nhẵn nhôm



Làm sạch đường hàn giữa các tấm thép



Mũi dùi kim loại

Ứng dụng

Thép, gang, inox, Ni-co...

Dùng cho máy:
GD0600, GD0601, GD0602, GD0800, GD0800C, GD0801C



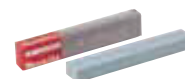
Hình dạng đầu	Loại cắt	Cái/hộp	Kích thước (mm)	Mã số
C	Cắt kim cương	10	10x20x6mm	B-52750-10
F	Cắt kim cương	10	10x20x6mm	B-52788-10
M	Cắt kim cương	10	10x20x6mm	B-52847-10

Lưỡi cắt kim cương



Kích thước (mm)	Hạt	Mã số
80	325M	792443-7
80	325N	792731-2

Đá mài



Kích thước (mm)	Mã số
100X16X10mm	A-24642 (Số lượng có hạn) A-24636